

BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỌC PHẦN TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC CAO ĐẲNG

(Áp dụng cho sinh viên ngành Công nghệ Thông tin, khóa tuyển 2018 về trước)

Kèm theo công văn số: 19/CNTT, Ngày: 26/3/2021

STT	Học phần (thuộc CTĐT ngành CNTT bậc Cao đẳng) khóa tuyển 2018 về trước				Học phần mới (thuộc CTĐT ngành CNTT bậc Đại học) có thể thay thế cho học phần cũ		
	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	TCH001	Thể dục 1	2	BB	BAA00021	Thể dục 1	2
2	TCH002	Thể dục 2	2	BB	BAA00022	Thể dục 2	2
3	QPH010	Giáo dục quốc phòng	4	BB	BAA00030	Giáo dục quốc phòng	4
4	CTH001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin	5	BB	BAA00101	Triết học Mác - Lênin	3
					BAA00102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
					BAA00103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
5	CTH002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	BB	BAA00104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	CTH003	Tư tưởng HCM	2	BB	BAA00003	Tư tưởng HCM	2
7	PLD001	Pháp luật đại cương	3	BB	BAA00004	Pháp luật đại cương	3
8	NNA001	Anh văn 1	3	BB	BAA00011	Anh văn 1	3
9	NNA002	Anh văn 2	3	BB	BAA00012	Anh văn 2	3
10	TTH003	Đại số B1	3	BB	MTH00030	Đại số tuyến tính	3
11	TTH026	Giải tích B1	3	BB	MTH00003	Vi tích phân 1B	3
12	TTH027	Giải tích B2	3	BB	MTH00004	Vi tích phân 2B	3
13	TTH063	Toán rời rạc	4	BB	MTH00041	Toán rời rạc	3
					MTH00086	Thực hành Toán rời rạc	1
14	CTT002	Tin học cơ sở	4	BB	CSC00004	Nhập môn công nghệ thông tin	4
15	CTT003	Nhập môn lập trình	4	BB	CSC10001	Nhập môn lập trình	4
16	CTT006	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	BB	CSC10003	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4
17	CTT008	Kỹ thuật lập trình	4	BB	CSC10002	Kỹ thuật lập trình	4
18	CTT101	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	BB	CSC10004	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
19	CTT102	Cơ sở dữ liệu	4	BB	CSC10006	Cơ sở dữ liệu	4
20	CTT103	Hệ điều hành	4	BB	CSC10007	Hệ điều hành	4
21	CTT104	Kiến trúc máy tính và hợp ngữ	4	BB	CSC10009	Hệ thống máy tính	2
22	CTT105	Mạng máy tính	4	BB	CSC10008	Mạng máy tính	4
23	CTT701	Kỹ năng soạn báo cáo, trình bày và LVN	4	BB	CSC10101	Kỹ năng mềm	3
24	CTT702	Quản trị cơ sở dữ liệu	4	BB	CSC12003	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4
25	CTT703	Lập trình web 1	4	BB	CSC13008	Phát triển ứng dụng web	4
26	CTT501	Lập trình Windows	4	Chọn 1 trong 2	CSC13001	Lập trình Windows	4
27	CTT704	Quản trị Windows Server	4				
28	CTT705	Lập trình ứng dụng quản lý 1	4	Chọn 1 trong 2	CSC11113	Quản trị dịch vụ mạng	4
29	CTT706	Hệ điều hành Linux căn bản	4				
30	CTT721	Phát triển ứng dụng cơ sở dữ liệu 1	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
31	CTT722	Phát triển ứng dụng cơ sở dữ liệu 2	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		

STT	Học phần (thuộc CTĐT ngành CNTT bậc Cao đẳng) khóa tuyển 2018 về trước				Học phần mới (thuộc CTĐT ngành CNTT bậc Đại học) có thể thay thế cho học phần cũ		
	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP	Mã HP	Tên học phần	Số TC
32	CTT723	Triển khai ứng dụng mạng	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
33	CTT724	Triển khai hệ thống mạng	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
34	CTT725	Các dịch vụ trên hệ điều hành Linux	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
35	CTT726	Công cụ bảo mật mạng	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
36	CTT727	Các thuật toán thông minh nhân tạo và U'D	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
37	CTT728	Khai thác dữ liệu trên web	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
38	CTT729	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
39	CTT730	Công cụ kiểm chứng phần mềm	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
40	CTT731	Lập trình web 2	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
41	CTT732	Lập trình ứng dụng quản lý 2	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		
42	CTT733	Kỹ thuật bảo mật mạng Windows	4	TC	01 học phần tự chọn bất kỳ (4 tín chỉ) trong mục 7.2.2. Kiến thức ngành của CTĐT ngành CNTT bậc đại học chính quy khóa tuyển 2018 về sau		

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



ĐINH BÁ TIÊN



TRẦN THÁI SƠN



Trần Lê Quan